

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **109/2023/HNGĐ-ST**

Ngày: 10-11-2023

V/v: Ly hôn, tranh chấp  
về nuôi con, chia tài sản  
khi ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Nam Tiến

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hương  
Bà Mai Thị Viện

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Tài - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:**  
Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 11 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 81/2023/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2023 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 9 năm 2023, Quyết định tạm ngừng phiên tòa dân sự sơ thẩm số 05/2023/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2023 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1984; quốc tịch: Việt Nam; địa chỉ: Lô G9 MBQH 25xx, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

2. **Bị đơn:** Anh Liu Chong Q, sinh năm 1977; quốc tịch: Trung Quốc; địa chỉ: Lô G9 MBQH 25xx, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

3. **Người tham gia tố tụng khác:**

- Người phiên dịch: Bà Lê Mai H, sinh năm 2001; địa chỉ: SN 37/8, đường Đ, phường Đ1, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/7/2023, bản tự khai ngày 22/8/2023, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Liu Chong Q kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 29/7/2009 tại Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố T. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau tại thành phố T, tỉnh

Thanh Hóa. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Về sau vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã do không cùng quan điểm, tính cách và lối sống trái ngược nhau. Chị đã nhiều lần nói chuyện với anh Liu Chong Q để có thể tháo gỡ những vướng mắc để vợ chồng hòa hợp cùng nhau chăm sóc cho gia đình, nuôi dạy con cái. Tuy nhiên, vợ chồng không những không thể hòa hợp mà còn khiến cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên căng thẳng trầm trọng hơn. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Liu Chong Q.

Về con: Vợ chồng có hai con chung là Liu Rui Z sinh ngày 07/11/2009 và Lưu Nguyễn Lệ B sinh ngày 03/01/2017. Sau khi ly hôn, chị L đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con và không yêu cầu anh Liu Chong Q phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Tại phiên hòa giải, chị L đề nghị để mỗi người nuôi một con, anh Liu Chong Q sẽ trực tiếp nuôi dưỡng cháu Liu Rui Z, còn chị sẽ trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lưu Nguyễn Lệ B.

Về tài sản: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 31/8/2023 cũng như tại phiên hòa giải, bị đơn anh Liu Chong Q trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị L đăng ký kết hôn tại UBND thành phố T vào năm 2009 trên cơ sở tìm hiểu, tự nguyện. Về yêu cầu xin ly hôn của chị L thì anh không đồng ý vì anh thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh vẫn quan tâm chăm sóc vợ con. Do thời điểm hiện tại kinh tế khó khăn nên vợ chồng có thỉnh thoảng mâu thuẫn nhưng vẫn có thể hàn gắn được. Vì thế anh không đồng ý ly hôn.

Về con: Anh và chị L có hai con chung là cháu Liu Rui Z sinh ngày 07/11/2009 và cháu Lưu Nguyễn Lệ B sinh ngày 03/01/2017. Nếu phải ly hôn, anh đề nghị được trực tiếp nuôi cháu Liu Rui Z và chị L sẽ nuôi cháu Lưu Nguyễn Lệ B, không ai phải cấp dưỡng cho ai nuôi con chung.

Về tài sản: Anh và chị L không có tài sản và công nợ chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 10/11/2023, anh Liu Chong Q đồng ý ly hôn với chị L, nhưng yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung của vợ chồng, nên Hội đồng xét xử (HĐXX) đã ra quyết định tạm ngừng phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên quan điểm của mình.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS); những

người tham gia tố tụng: các đương sự đã thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

- Về giải quyết vụ án: Về hôn nhân: đề nghị HĐXX công nhận sự thỏa thuận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Liu Chong Q; về con: giao cháu Liu Rui Z, sinh ngày 07/11/2009 cho anh Liu Chong Q trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Lưu Nguyễn Lệ B, sinh ngày 03/01/2017 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản: anh Liu Chong Q không xuất trình được tài liệu, chứng cứ gì liên quan đến tài sản chung của vợ chồng, nên không có căn cứ để giải quyết, dành quyền khởi kiện vụ án khác cho anh Liu Chong Q; về án phí: chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (DSST) về việc ly hôn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

\* Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết:

Chị Nguyễn Thị L có đơn đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa giải quyết việc ly hôn giữa chị và anh Liu Chong Q. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 của BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

\* Về nội dung giải quyết:

[1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Liu Chong Q kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc tại thành phố T, tỉnh Thanh Hóa. Thời gian gần đây thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị L trình bày là do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính cách và lối sống trái ngược nhau, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, còn theo anh Liu Chong Q trình bày thì tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh vẫn quan tâm chăm sóc vợ con, do thời điểm hiện tại kinh tế khó khăn nên vợ chồng có thỉnh thoảng mâu thuẫn nhưng vẫn có thể hàn gắn được. Tuy nhiên, tại phiên tòa ngày 11/10/2023 cũng như tại phiên tòa hôm nay, anh Liu Chong Q cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh cũng nhất trí ly hôn với chị L. Việc đồng ý ly hôn này là sự tự nguyện của anh Liu Chong Q, nên HĐXX chấp nhận sự thỏa thuận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Liu Chong Q.

[2] Về con: Vợ chồng có hai con chung là cháu Liu Rui Z sinh ngày 07/11/2009 và cháu Lưu Nguyễn Lệ B sinh ngày 03/01/2017. Tại phiên hòa giải cũng như tại phiên tòa, chị L và anh Liu Chong Q thỏa thuận mỗi người nuôi một con, anh Liu Chong Q trực tiếp nuôi dưỡng cháu Liu Rui Z, chị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lưu Nguyễn Lệ B. Việc thỏa thuận này là tự nguyện của hai bên, mặc dù nguyện vọng của cháu Liu Rui Z là được ở với mẹ, nhưng xét thấy cháu Lưu Nguyễn Lệ B nhỏ tuổi hơn, cần mẹ chăm sóc nhiều hơn, nên HĐXX

chấp nhận sự thỏa thuận của hai bên đương sự, giao cháu Liu Rui Z cho anh Liu Chong Q trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Lưu Nguyễn Lệ B cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về tài sản: Anh Liu Chong Q yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung của vợ chồng nhưng anh không làm đơn đề nghị, không xuất trình được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh vợ chồng có những tài sản chung gì, tình trạng tài sản hiện nay như thế nào, nên HĐXX không có căn cứ để giải quyết. Sau khi ly hôn, nếu anh Liu Chong Q có đơn yêu cầu và xuất trình các tài liệu, chứng cứ liên quan đến tài sản chung của vợ chồng thì Tòa án sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí DSST về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thỏa thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Liu Chong Q.

2. Về con: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Giao cháu Liu Rui Z sinh ngày 07/11/2009 cho anh Liu Chong Q trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Lưu Nguyễn Lệ B sinh ngày 03/01/2017 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Liu Chong Q và chị Nguyễn Thị L có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Không chấp nhận yêu cầu của anh Liu Chong Q về việc giải quyết tài sản chung của vợ chồng, dành quyền khởi kiện vụ án dân sự khác cho anh Liu Chong Q.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí DSST về việc ly hôn là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí toà án số AA/2022/0006602 ngày 31/7/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa, chị L đã nộp đủ án phí DSST.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa (P9);
- Cục THADS tỉnh Thanh Hóa;
- UBND TP T,  
tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu HSVA, Tòa GD&NCTN.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Mai Nam Tiến**

